TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/DS-ST
Ngày 17-4-2018
Về tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ – TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Oanh Kiều

2. Ông Dương Hoài Ân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Chế Linh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Đoàn Tố Quyên - kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2017/TLST–DS ngày 30 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2018 và Thông báo dời ngày xét xử số 03/TB-TA ngày 09 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Cao Văn N, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Đặng Quang M (tên gọi khác: C), sinh năm 1971; địa chỉ: ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Chỗ ở: ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/10/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Cao Văn N trình bày yêu cầu:

Ngày 15/10/2017 anh có bán cho ông M 16 con heo thịt trọng lượng 1.068,5kg với tổng số tiền 26.712.500đ, sau đó trừ tiền ông M đặt cọc 500.000đ, còn lại 26.212.500đ, có bảng kê tính tiền ngày 15/10/2017, ông M có ký tên xác

nhận, hẹn ngày 20/10/2017 thì trả đủ tiền. Sau khi ông M bắt heo thì cố tình trốn tránh không trả tiền cho anh, chỉ khi anh khởi kiện ông M trả được 03 lần tổng cộng 4.000.000đ, còn 22.212.500đ thì ngưng trả cho đến nay, tại đơn khởi kiện anh chỉ yêu cầu trả 22.212.500đ, không yêu cầu trả lãi do chậm trả tiền, nhưng tại phiên tòa anh có đưa ra yêu cầu ông M trả tiền lãi do chậm trả tiền từ ngày ông M bắt heo (ngày 15/10/2017) đến ngày xét xử, nhưng sau đó anh bỏ yêu cầu này, chỉ còn yêu cầu trả 22.212.500đ và yêu cầu ông M trả một lần, không đồng ý cho ông M trả dần, còn phần 4.000.000đ ông M đã trả thì yêu cầu rút lại. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Đặng Quang M trình bày yêu cầu:

Ông thừa nhận năm 2017 nhưng không nhớ ngày tháng, ông có mua của anh N heo hơi thịt, không nhớ bao nhiêu con và bao nhiêu ký, ông cũng thừa nhận các nội dung bảng kê ngày 15/10/2017 là sau khi bắt heo thì còn thiếu anh N 26.212.500đ, hẹn vài ngày sẽ trả đủ và ông có ký tên vào bảng kê, nhưng do buôn bán bị lổ, nên chưa có khả năng trả hết tiền mà chỉ trả được 03 lần tổng cộng 4.000.000đ, còn 22.212.500đ thì ngưng trả cho đến nay, nhưng lúc cân heo thì có tính nhầm 20 ký thịt bằng số tiền 500.000đ và ông yêu cầu trừ ra 500.000đ, do anh N không chịu, nên ông cũng thống nhất số tiền còn thiếu 22.212.500đ và đồng ý trả, nhưng không có khả năng trả một lần mà yêu cầu trả dần mỗi tháng theo khả năng ông có. Ngoài ra ông không có yêu cầu khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự cũng đã chấp hành có mặt tham gia phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: Với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền 22.212.500đ, bị đơn cũng thừa nhận và đồng ý trả toàn bộ số tiền này, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự, ghi nhận sự đồng ý của bị đơn và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc bị đơn chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về việc thụ lý và quá trình giải quyết của Tòa án, vụ án được thụ lý và giải quyết đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quan hệ pháp luật tranh chấp tại khoản 3 Điều 26, thẩm quyền giải quyết tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, xác định tư cách đương sự tại Điều 68, xác minh thu thập chứng cứ tại Điều 97 và thời hạn chuẩn bị xét xử tại Điều 203.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh N về số tiền 22.212.500đ, chứng minh cho yêu cầu khởi kiện anh N cung cấp bảng kê bằng tập học sinh đề ngày 15/10/2017, nội dung thể hiện: bắt đầu bằng chữ số " 15/10/2017 …", kết thúc bằng chữ số " … 26.212.500" có ông M ký tên xác nhận, số tiền này ông M đã trả được 4.000.000đ, còn 22.212.500đ anh N yêu cầu trả tiếp và phải trả một lần. Tại phiên tòa sơ thẩm ông M thừa nhận, đồng ý trả số tiền 22.212.000đ nhưng cho rằng không có khả năng trả một lần mà yêu cầu được trả dần. Với tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp và đương sự thừa nhận, cho thấy đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự và căn cứ quy định tại Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự, có sơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N, buộc ông M trả cho anh N toàn bộ số tiền 22.212.500đ. Đối với việc anh N yêu cầu ông M trả một lần đủ số tiền 22.212.500đ là thuộc điều kiện thi hành án sẽ được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự. Riêng phần chênh lệch 4.000.000đ so với đơn khởi kiện ban đầu do ông M đã trả xong, anh N yêu cầu rút lại, nên đình chỉ xét xử đối với phần 4.000.000đ theo khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nghĩa vụ chậm trả tiền, tại phiên tòa sơ thẩm anh N đưa ra yêu cầu đòi ông M trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tính từ ngày ông M bắt heo đến ngày xét xử, theo mức lãi suất quy định của pháp luật. Tuy nhiên sau khi được giải thích là Hội đồng xét xử chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, bởi tại đơn khởi kiện của anh N ban đầu không có yêu cầu ông M trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì anh N tự nguyện bỏ phần yêu cầu này, nên không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định, nguyên đơn không phải chịu án phí và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo, các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 97, Điều 147, Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Cao Văn N.

Buộc ông Đặng Quang M (tên gọi khác: C) trả cho anh Cao Văn N số tiền 22.212.500đ (bằng chữ: *hai mươi hai triệu, hai trăm mười hai ngàn, năm trăm đồng*).

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (tất cả các khoản tiền) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm:

Buộc ông Đặng Quang M (tên gọi khác: C) nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 1.110.625đ (bằng chữ: *một triệu, một trăm mười ngàn, sáu trăm hai mươi lăm đồng*), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú.

Anh Cao Văn N không phải chịu án phí sơ thẩm, trả lại anh N tiền tạm ứng án phí đã nộp 655.000đ (bằng chữ: *sáu trăm năm mươi lăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0012825 ngày 30 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú.

4. Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Kim Thị Hồng Nga